TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16-01-2025
"*V/v ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến
2. Bà Nguyễn Thị Sương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tín – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên toà*:** Không.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 449/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2024 về "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 149/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm 1987 (xin vắng)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Anh **Phạm Công B**, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/9/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Vào năm 2020, qua quen biết nên chị N và anh Phạm Công B tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/12/2020 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến. Từ đó, vợ chồng ít quan tâm, chăm sóc

lẫn nhau và cũng không cùng nhau chia sẽ các công việc trong gia đình, nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2024 cho đến nay. Từ lúc ly thân, vợ chồng không hàn gắn, đoàn tụ được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Công B.

Về con chung: Chị N yêu cầu nuôi con chung là cháu Phạm Trần Minh A, sinh ngày 09/9/2021 và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.725.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Phạm Công B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không trình bày.

- Trong đơn xin xét xử vắng mặt ngày 02/12/2024, nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng N trình bày: Chị yêu cầu ly hôn với anh Phạm Công B. Về con chung: Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi Phạm Trần Minh A, sinh ngày 09/9/2021 và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.725.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác và cũng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "*Ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con*"; bị đơn anh Phạm Công B cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1, 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị N và anh B qua quen biết rồi tìm hiểu nhau sau đó đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long ngày 08/12/2020 nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mẫu thuẫn do vợ chồng bất đồng ý kiến với nhau về những việc trong cuộc sống gia đình. Anh B không lo cho gia đình và vợ con,

không chí thú làm ăn. Mặc dù đã nhiều lần khuyên can nhưng không được. Do vậy vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 1 năm 2024 cho đến nay, hai bên không hàn gắn được chuyện gia đình, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm gì đến nhau. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Công B.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân của vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, tuy nhiên hiện tại vợ chồng chị N, anh B đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Qua đó cho thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "... *Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*".

[2]. *Về con chung*: Xét yêu cầu của chị N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Trần Minh A, sinh ngày 09/9/2021, hiện tại chị đang nuôi dưỡng.

Xét thấy việc quyết định giao con cho người cha hoặc người mẹ nuôi dưỡng sau khi ly hôn cần phải dựa trên quyền lợi về mọi mặt của người con, về điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con…*"và khoản 3 Điều 81 cũng quy định: "*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi*,…". Chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển, tránh thay đổi môi trường sống của cháu. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng N là giao cháu Phạm Trần Minh A, sinh ngày 09/9/2021 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Hội đồng xét xử xét thấy tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: "*Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*" và khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: "*Mức cấp dưỡng*

do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết". Chị N yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.725.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án anh B chưa có văn bản nào về việc cấp dưỡng nuôi con nên các bên chưa thỏa thuận được về việc cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định tại Khoản 2, Điều 7, Nghị quyết số 01/2024/NQ- HĐTP ngày 16/5/2024 quy định "*Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nữa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con*". Xét thấy mức lương tối thiểu vùng nơi anh B đang cư trú ở huyện T, tỉnh Vĩnh Long là 3.450.000đ/tháng, nên anh B phải cấp dưỡng cho cháu A là 1.725.000đ/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (ngày 16/01/2025) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Trường hợp có thay đổi cấp dưỡng thì thực hiện theo khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 2 Điều 116 quy định: "*Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*".

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng*: Chị N khai chưa yêu cầu, anh B cũng chưa có văn bản nào trình bày về tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228,238,271,273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2, Điều 7 của Nghị quyết 01/2024/NQ- HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với anh Phạm Công B.

[2]. *Về con chung*: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng N.

Giao cháu Phạm Trần Minh A, sinh ngày 09/9/2021 cho chị Nguyễn Thị Hồng N tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Phạm Công B được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Buộc anh Phạm Công B phải cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Trần Minh A, sinh ngày 09/9/2021, mỗi tháng là 1.725.000đ (*Một triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*), thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (ngày 16/01/2025) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số No 0014481 ngày 07/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Chị N đã nộp đủ tiền án phí. Anh Phạm Công B phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long*;
- *VKSND huyện Tam Bình*;
- *CCTHADS huyện Tam Bình*;
- *UBND xã Long An, huyện Long Hồ*;
- *Các đương sự*;
- *Lưu hồ sơ vụ án*.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn B1